

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HSST

Ngày: 30/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU-TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Xuân Dệt.
2. Bà Tô Thị Lành.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 18/2018/TLST- HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS, ngày 22/02/2018 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Trương L**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1993, tại Gia Lai.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 04, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Sửa xe.

Con ông Trương Q, sinh năm 1961 và con bà Lò Thị L, sinh năm 1965.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 09/6/2010 bị Tòa án nhân dân TP. Pleiku xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 08/7/2011 bị Tòa án nhân dân TP. Pleiku xử phạt 45 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/10/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: **Ngô Văn T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1994, tại Gia Lai.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 13, phường Thống Nhất, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Phụ bếp.

Con ông Ngô Văn T, sinh năm 1952 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956.

Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 09/12/2011 bị Tòa án nhân dân TP. Pleiku xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 25/5/2012 bị Tòa án nhân dân TP. Pleiku xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 7, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Hiện đang bị tạm giam tại trại giam Gia Chung – Bộ công an. Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Ngô Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 123/1 Đường T, tổ 13, phường Thống Nhất, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.
Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương L và Ngô Văn T là bạn bè với nhau. Vào khoảng 23 giờ ngày 11/3/2016, L điều khiển xe mô tô (Hiện chưa xác định được biển số) mượn của bạn quen ngoài đường (Hiện L không xác định được họ tên, địa chỉ) chạy ngang qua nhà trọ số 50 đường K, tổ 06, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, thì nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Nouvo, biển số 81B1-214.16, màu tím - bạc của anh Trần Minh Đ, sinh năm 1985; trú tại: tổ 07, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai dựng ở trước cửa nhà trọ nhưng không có người trông coi, chìa khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa điện. Lúc này, L gọi điện thoại cho T và nói: “*Ở đường K có chiếc xe máy cắm chìa khóa trên xe, để chạy qua chỗ bạn lên lấy*”, T đồng ý. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đến nhà T chờ T đến trước nhà trọ số 50 đường K. Đến nơi, L và T nhìn thấy xe mô tô biển số 81B1-214.16 của anh Đ vẫn còn dựng ở đây nên L dừng xe lại, T xuống xe và đi bộ đến chỗ dựng xe mô tô biển số 81B1-214.16 rồi dắt chiếc xe này đi ra đường K, ngồi lên xe, mở khóa điện rồi đề nổ máy và bỏ chạy, còn L điều khiển xe mô tô chạy theo sau T. Khi đến hẻm đường X, phường Hội Phú, thành phố Pleiku thì T và L dừng lại. Tại đây, T mở cốp xe mô tô biển số 81B1-214.16 của anh Đ ra thì thấy bên trong có 01 đầu khò và 01 bình ga mini. Thấy vậy, L nói với T: “*Xe này của giang hồ rồi, mình để lại chỗ nào để người ta đi tìm*”, T đồng ý và nói với L: “*Đừng vứt ở đây, gần phòng ở, đưa tiền đồ xăng, tao đem đi xa vứt*”, L đồng ý và đưa cho T 300.000 đồng. Sau đó, L điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ ở đường C, thành phố Pleiku ngủ, còn T điều khiển xe mô tô biển số 81B1-214.16 trộm cắp của anh Đ đến thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai và dựng xe mô tô này ở lề đường trước ki ốt số 08 đường V, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, rồi đi bộ tìm thuê phòng trọ ngủ. Đến sáng ngày 12 tháng 3 năm 2016, Thiện đón xe buýt đi về thành phố Pleiku. Ngày 30/11/2016, Ngô Văn T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đầu thú, nhưng do chưa bắt được Trương L và cũng chưa thu giữ

được tang vật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã cho gia đình bảo lãnh T, sau đó Thiện bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 07/10/2017, Trương L ra đầu thú. Ngày 24/11/ 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku ra Quyết định truy nã đối với Ngô Văn T. Đến ngày 29/11/2017, Ngô Văn T ra đầu thú. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku, Trương L và Ngô Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Đối với xe mô tô biển số 81B1-214.16, Thiện dựng ở lề đường trước ki ốt số 08 đường V, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, sau đó đã bị mất. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã ra quyết định truy tìm vật chứng nhưng đến nay vẫn chưa thu giữ được.

Qua định giá, kết luận: Chiếc xe mô tô 81B1-214.16 có giá trị là 20.500.000 đồng.

Về dân sự: Bị hại Trần Minh Đ yêu cầu bồi thường lại tài sản bị chiếm đoạt với số tiền 20.500.000 đồng. **Quá trình điều tra vụ án, do có sự tác động của bị cáo Ngô Văn T nên** ngày 29/12/2017, anh Ngô Văn H (là anh ruột của Ngô Văn T) đã giao nộp cho Cơ quan điều tra công an thành phố Pleiku số tiền 5.000.000 đồng để giải quyết việc bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Tại bản cáo trạng số 27/CT –VKS, ngày 31/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Trương L, Ngô Văn T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điều 17; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương L từ 18- 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50, Điều 17; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T 15-18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2017.

- Căn cứ: Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trương L phải bồi thường cho anh Trần Minh Đ số tiền 10.250.000 đồng. Buộc bị cáo Ngô Văn T còn phải bồi thường cho anh Trần Minh Đ số tiền 5.250.000 đồng .

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao trả lại cho Bị hại Trần Minh Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Là vật chứng trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an TP. Pleiku với Cơ quan thi hành án TP. Pleiku, ngày 01/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 23 giờ ngày 11/3/2016, tại trước số nhà 50 đường K, tổ 06, phường Phù Đồng, thành phố Pleiku, Trương L và Ngô Văn T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 81B1-214.16 của anh Trần Minh Đ, có giá trị 20.500.000 đồng. Ngày 07/10/2017 bị cáo Trương L ra đầu thú. Đến 29/11/2017, bị cáo Ngô Văn T ra đầu thú.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đối với các bị cáo Trương L, Ngô Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tình hình tội phạm chiếm đoạt tài sản trên địa bàn thành phố Pleiku ngày càng gia tăng, phức tạp, manh động và ngày càng nguy hiểm hơn.

[3] Xét hành vi của các bị cáo: khi thấy sự sơ hở của chủ ở hữu trong việc quản lý tài sản là các bị cáo liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản ngay và đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 20.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn trong đó bị cáo L là người khởi xướng và rủ bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội và khi được bị cáo Lâm rủ thì bị cáo T đồng ý ngay và cùng tham gia một rất tích cực. Bên cạnh đó cả 02 bị cáo đều bị kết án 02 lần nhưng do các bị cáo bị kết án chưa đủ 18 tuổi được coi là không có án tích, tuy nhiên các bị cáo vẫn bị xác định là có nhân thân xấu đã bị đi cải tạo giáo dục nhưng vẫn không chịu tu dưỡng mà lại tiếp tục phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân, nên cần phải xử các bị cáo một mức án nghiêm.

[4] Tuy nhiên xét quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình; đối với bị cáo Thiện đã tích cực động viên gia đình bồi thường một phần thiệt hại. Dù giảm nhẹ nhưng cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gia mới đảm bảo được biện pháp răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về dân sự: Người bị hại anh Trần Minh Đ yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 20.500.000 đ giá trị chiếc xe mô tô bị trộm cắp. Yêu cầu của anh Đ có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể bị cáo L phải bồi thường 10.500.000 đ, bị cáo T phải bồi thường 10.000.000 đồng được trừ đi số tiền 5.000.000 đã nộp được giữ tại Cơ quan thi hành án, bị cáo T còn phải bồi thường số tiền 5.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: 5.000.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam do gia đình bị cáo T tạm nộp để bồi thường cho người bị hại. Nên số tiền này trả lại cho người bị hại là anh Trần Minh Đ.

[7] Về án phí: Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trương L phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trương L 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/10/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29/11/2017.

- Áp dụng: Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Trương L phải bồi thường cho anh Trần Minh Đ số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc bị cáo Ngô Văn T còn phải bồi thường cho anh Trần Minh Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Giao trả lại cho Bị hại anh Trần Minh Đ số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Là vật chứng trong biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an TP. Pleiku với Cơ quan thi hành án TP. Pleiku, ngày 01/02/2018.

- Căn cứ: khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương L, Ngô Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trương L phải chịu 525.000 đồng (năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng), bị cáo Ngô Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia lai.
- Viện kiểm sát TP. Pleiku.
- Công an TP. Pleiku.
- THADS TP. Pleiku
- Bị cáo.
- Người bị hại.
- Người có qlnvql.
- Lưu hs.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Ch□ t□a phẩn tịa